

**QUYẾT ĐỊNH**  
**V/v công bố lại hệ thống quản lý chất lượng**  
**phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

**GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP TỈNH KHÁNH HOÀ**

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 2132/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hoà về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp;*

*Theo đề nghị của Ban Chỉ đạo ISO Sở Tư pháp.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Tư pháp Khánh Hoà phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với các lĩnh vực hoạt động thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp, theo Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 221/QĐ-STP ngày 11/12/2020 của Giám đốc Sở Tư pháp Khánh Hoà về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở, Thủ trưởng các phòng, Trung tâm thuộc Sở, Thành viên Ban chỉ đạo ISO, Thư ký ISO chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Sở Khoa học – Công nghệ (vbdt);
- Website Sở, mục ISO;
- Lưu: VT, VP (Vinh).

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thị Lan Phương**

**Phụ lục**  
**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ TƯ PHÁP ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP**  
**TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 136/QĐ-STP ngày 28/10/2021*  
*của Giám đốc Sở Tư pháp Khánh Hòa)*

**Toàn bộ các quy trình giải quyết tất cả các thủ tục hành chính thuộc trách nhiệm tiếp nhận và thực hiện tại cơ quan hành chính nhà nước**

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
<b>I</b>		<b>Lĩnh vực lý lịch tư pháp</b>	
1	2.000488.000.00.00.H32	Cấp phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	- 2244/QĐ-BTP ngày 24/8/2018; - 1050/QĐ-BTP ngày 23/6/2021
2	2.001417.000.00.00.H32	Cấp phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	- 2840/QĐ-UBND ngày 25/9/2018; - 1936/QĐ-UBND ngày 12/7/2021
3	2.000505.000.00.00.H32	Cấp phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiền hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	
<b>II</b>		<b>Lĩnh vực Giám định tư pháp</b>	
4	1.001216.000.00.00.H32	Thủ tục chuyển đổi loại hình Văn phòng Giám định Tư pháp	
5	<u>2.000568.000.00.00.H32</u>	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng Giám định Tư pháp	
6	<u>2.000555.000.00.00.H32</u>	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng	Quyết định 2007/QĐ-BTP ngày 26/9/2016
7	<u>1.001117.000.00.00.H32</u>	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	
8	<u>2.000890.000.00.00.H32</u>	Cấp phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp	
9	<u>1.001145.000.00.00.H32</u>	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp (Trường hợp Văn phòng giám định tư pháp tự chấm dứt hoạt động)	1501/QĐ-UBND ngày 29/5/2017
10	<u>2.000823.000.00.00.H32</u>	Đăng ký hoạt động Văn phòng Giám định tư pháp	
11	<u>1.001135.000.00.00.H32</u>	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	
<b>III</b>		<b>Lĩnh vực quản lý luật sư</b>	
12	1.002010	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Quyết định số 1566/QĐ-BTP
13	1.002032	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ	

<b>STT</b>	<b>Mã số TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Quyết định công bố</b>
		chức hành nghề luật sư	Quyết định số ngày 13/7/2020
14	1.002055	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	
15	1.002079	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	
16	1.002099	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	
17	1.002153	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	
18	1.002181	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	
19	1.002198	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 25/08/2020
20	1.002218	Hợp nhất công ty luật	
21	1.002234	Sáp nhập công ty luật	
22	1.008709	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	
23	1.002398	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	
24	1.002384	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	
25	1.002368	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	
<b>IV</b>		<b>Lĩnh vực tư vấn pháp luật</b>	
26	1.000627	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020
27	1.000614	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	
28	1.000588	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	
29	1.000426	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 25/08/2020
30	1.000404	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	
31	1.000390	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	
<b>V</b>		<b>Lĩnh vực quản lý công chứng</b>	
32	1.001877	Thành lập Văn phòng công chứng	- QĐ số 991/QĐ-BTP ngày 11/6/2021;
33	1.001688	Hợp nhất Văn phòng công chứng	
34	1.001665	Sáp nhập Văn phòng công chứng	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
35	1.001647	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	- Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 26/7/2021
36	1.003118	Thành lập Hội công chứng viên	
37	1.001071	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	
38	1.001446	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	
39	1.001125	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
40	1.001153	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	
41	1.001438	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	
42	1.001721	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	
43	1.001756	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	
44	1.001799	Cấp lại Thẻ công chứng viên	
45	2.002387	Xóa đăng ký hành nghề và thu hồi Thẻ công chứng viên trong trường hợp công chứng viên không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng (Mời chuẩn hóa)	
46	2.000789	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	
47	2.000778	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	
48	2.000766	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	
49	2.000758	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	
50	2.000743	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng	
<b>VI</b>		<b>Lĩnh vực quản tài viên và hành nghề quản lý, thành lý tài sản</b>	
51	1.002626	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	- Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020; - Quyết định số 2561/QĐ-UBND ngày 23/09/2020
52	1.008727	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	
53	1.001842	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	
54	1.001633	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	

<b>STT</b>	<b>Mã số TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Quyết định công bố</b>
55	1001600	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	
<b>VII</b>		<b>Lĩnh vực đấu giá tài sản</b>	
56	2001815	Cấp Thẻ đấu giá viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020;</li> <li>- Quyết định số 2561/QĐ-UBND ngày 23/09/2020</li> </ul>
57	2001807	Cấp lại Thẻ đấu giá viên	
58	2001395	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	
59	2001333	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	
60	2001258	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	
61	2001247	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	
62	2001225	Phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	
63	2002139	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá	
<b>VIII</b>		<b>Lĩnh vực trọng tài thương mại</b>	
64	1.008889	Đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định 1955/QĐ-BTP ngày 18/9/2020;</li> <li>- Quyết định số 3005/QĐ-UBND ngày 04/11/2020.</li> </ul>
65	1.008890	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	
66	1.008904	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	
67	1.008905	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
68	1.008906	Đăng ký hoạt động chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
		được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	
69	1.001248	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, chi nhánh Trung tâm trọng tài, chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	
<b>IX</b>		<b>Lĩnh vực Hòa giải thương mại</b>	
70	1.005149	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	
71	1.008913	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	
72	2.002047	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	
73	2.0001716	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	- Quyết định số 1956/QĐ-STP ngày 18/9/2020;
74	1.008914	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	- Quyết định số 3008/QĐ-UBND ngày 04/11/2020
75	2.000515	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	
76	1.008915	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của Chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	

<b>STT</b>	<b>Mã số TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Quyết định công bố</b>
		này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	
77	1.008916	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	
78	1.009283	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	
<b>X</b>		<b>Lĩnh vực bồi thường nhà nước</b>	
79	277434	Thủ tục phục hồi danh dự (thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh)	1442/QĐ-BTP ngày 26/6/2018
			107/QĐ-UBND ngày 11/01/2019
80	277434	Thủ tục phục hồi danh dự (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp)	1442/QĐ-BTP ngày 26/6/2018
			107/QĐ-UBND ngày 11/01/2019
81	2.002193	Thủ tục xác định cơ quan giải quyết bồi thường	1442/QĐ-BTP ngày 26/6/2018
			107/QĐ-UBND ngày 11/01/2019
82	277433	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh)	1442/QĐ-BTP ngày 26/6/2018
			107/QĐ-UBND ngày 11/01/2019
83	277433	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp)	1442/QĐ-BTP ngày 26/6/2018
			107/QĐ-UBND ngày 11/01/2019
<b>XI</b>		<b>Lĩnh vực nuôi con nuôi</b>	
84	1.003976	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	169/QĐ-BTP ngày 04/2/2021
			698/QĐ-UBND ngày 22/3/2021

<b>STT</b>	<b>Mã số TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Quyết định công bố</b>
85	1.004878	Thủ tục Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dưỡng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	
86	1.003179	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	
87	1.003160	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	
<b>XII</b>		<b>Lĩnh vực hộ tịch</b>	
88	2.000635	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	1872/QĐ-BTP ngày 04/09/2020 2851/QĐ-UBND ngày 20/10/2020
<b>XIII</b>		<b>Lĩnh vực quốc tịch</b>	
89	2.001895.000. 00.00.H32	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	1217/QĐ-BTP ngày 22/5/2020 1429/QĐ-UBND ngày 19/6/2020
90	2.002039.000. 00.00.H32	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	1217/QĐ-BTP ngày 22/5/2020 1429/QĐ-UBND ngày 19/6/2020
91	2.002038.000. 00.00.H32	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	1217/QĐ-BTP ngày 22/5/2020 1429/QĐ-UBND ngày 19/6/2020
92	2.002036.000. 00.00.H32	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	1217/QĐ-BTP ngày 22/5/2020 1429/QĐ-UBND ngày 19/6/2020
93	1.005136.000. 00.00.H32	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	1217/QĐ-BTP ngày 22/5/2020 1429/QĐ-UBND ngày 19/6/2020
<b>XIV</b>		<b>LĨNH VỰC THỪA PHÁT LẠI</b>	
94	1.008929	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	
95	1.008932	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	- Quyết định số 2005/QĐ-BTP ngày 28/9/2020;
96	1.008934	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	- Quyết định số 3146/QĐ-UBND ngày 25/11/2020
97	1.008936	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	
98	1.008925	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	

<b>STT</b>	<b>Mã số TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Quyết định công bố</b>
99	1.008926	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	
100	1.008927	Đăng ký hành nghề và cấp thẻ Thừa phát lại	
101	1.008928	Cấp lại thẻ Thừa phát lại	
102	1.008930	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	
103	1.008931	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	
104	1.008933	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	
105	1.008935	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	
106	1.008937	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	
<b>XV</b>		<b>LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ</b>	
107	2.000977	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với luật sư	- Quyết định số 1170/QĐ-BTP ngày 15/7/2021;
108	2.000970	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	
109	2.000587	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	- Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 06/8/2021
110	2.000954	Thủ tục Cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	- Quyết định số 1540/QĐ-BTP ngày 06/7/2018;  - Quyết định số 2539/QĐ-UBND ngày 31/8/2018
111	2.000840	Thủ tục chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý	
112	2.000829	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	
113	2.000518	Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	
114	2.000596	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	
115	1.001233	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	
116	2.000592	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	